TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 345/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 31 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 342/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lê Thị T, sinh năm 1997; nơi thường trú: Tổ E, khu D, phường C, tỉnh Quảng Ninh; nơi tạm trú: thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ E, khu D, phường C, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/02/2020 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường C, tỉnh Quảng Ninh). Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T và anh Đ không còn nguyện vọng sống chung với nhau nữa nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 7 năm 2026, chị T và anh Đ thuận tình ly hôn. Xét thấy, chị T và anh Đ thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của con chung nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: chị T và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Duy Đ1, sinh ngày 08/4/2021. Chị T và anh Đ thỏa thuận, khi ly hôn, giao con chung cho chị T nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ thỏa thuận chị Lê Thị T là người nộp toàn bộ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao con chung Nguyễn Duy Đ1, sinh ngày 08/4/2021 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vấn đề khác: không.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Lê Thị T tự nguyện chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)* lệ phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000153 ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Lê Thị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Phạm Thị Cúc